

Quảng Nam, ngày 27 tháng 6 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM**

Căn cứ điều 140, Luật Doanh nghiệp 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Chương VI, Điều lệ Công ty về Đại hội đồng cổ đông,

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam đã được tổ chức từ 8h30 đến 11h ngày 27/6/2023 tại văn phòng Công ty cổ phần công trình GTVT Quảng Nam, số 10, đường Nguyễn Du, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Thành phần tham dự là các cổ đông Công ty theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) số 871/2023-QTC/VSD-ĐK ngày 01/6/2023 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh. Tổng số cổ đông tham dự đại hội 20 người, sở hữu và đại diện sở hữu cho 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ 57,68 % số cổ phần có quyền biểu quyết. Căn cứ khoản 1, Điều 145 của Luật Doanh nghiệp, Đại hội đồng cổ đông của công ty đã đủ các điều kiện tiến hành.

Đại hội đồng cổ đông đã nghe trình bày các nội dung sau:

1. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, nhiệm vụ SXKD năm 2023.
2. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT trong năm 2022.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Công ty và thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022.
4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
5. Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023.
6. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022.
7. Tờ trình về việc trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán mức thù lao năm 2023.
8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành thảo luận và đóng góp ý kiến vào các báo cáo, phương án, v.v....

Căn cứ vào các nội dung được trình bày; các ý kiến đóng góp; kết quả biểu quyết từng vấn đề và biên bản được đọc trước đại hội, Đại hội đồng cổ đông đã ra Nghị quyết với các nội dung như sau:

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023:

|                      |                       |
|----------------------|-----------------------|
| Tổng doanh thu       | : 85.000.000.000 đồng |
| Lợi nhuận trước thuế | : 2.200.000.000 đồng  |
| Lợi nhuận sau thuế   | : 1.760.000.000 đồng  |





Cổ tức : 6,5%/ vốn điều lệ

2. Thống nhất báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT trong năm 2022.

3. Thống nhất báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Công ty và thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022.

4. Thống nhất Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

|                                             |                |
|---------------------------------------------|----------------|
| 4.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 90.337.334.237 |
| 4.2. Lợi nhuận trước thuế                   | 2.421.014.361  |
| 4.3. Lợi nhuận sau thuế                     | 2.207.265.217  |

5. Thống nhất quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023

5.1. Quỹ tiền lương người lao động năm 2023: 7.776.000.000 đồng

5.2. Quỹ tiền lương người quản lý năm 2023 : 1.028.000.000 đồng, trong đó:

- Người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn nhà nước: 279.000.000 đồng

- Người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn nhà nước: 749.000.000 đồng

6. Thống nhất phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022 như sau:

6.1. Chia cổ tức cho cổ đông : 8% **2.160.000.000**

6.2. Trích lập các quỹ : **47.265.217**

- Quỹ khen thưởng người quản lý 10.000.000

- Quỹ khen thưởng người lao động 37.265.217

7. Thống nhất trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán mức thù lao năm 2023.

8. Thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2023.

Đại hội đã thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 làm cơ sở cho HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát tổ chức thực hiện các nội dung nêu trên.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



Nguyễn Đại Phúc



ĐẠI ĐOÀN CHỦ TỊCH ĐẠI HỘI CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Sỹ

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Tuấn Anh - PCT.HĐQT: .....

Ông Nguyễn Đức Hiếu - UV.HĐQT: .....

Ông Nguyễn Cao Cường - UV.HĐQT: .....

Ông Đoàn Văn Dũng - UV.HĐQT: .....

Ông Lê Văn Xí - UV.HĐQT: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM**

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Công trình GTVT Quảng Nam ;

Căn cứ Thông báo số 02/2023/TB-HĐQT ngày 08/6/2023 của Hội đồng quản trị Công ty v/v tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

Hôm nay, vào lúc 08 giờ 30 phút, ngày 27 tháng 6 năm 2023, tại Hội trường Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam - Số 10 - Nguyễn Du - TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, HĐQT Công ty tiến hành tổ chức Đại hội đồng Cổ đông Công ty thường niên năm 2023.

Qua báo cáo kiểm tra danh sách cổ đông tham dự Đại hội, tổng số cổ đông dự Đại hội là: 20 cổ đông với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là: 1.557.405 CP/2.700.000 CP, chiếm 57,68 % cổ phần có quyền biểu quyết được triệu tập;

Căn cứ khoản 1, Điều 145 của Luật Doanh nghiệp 2020, Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023 đủ điều kiện tiến hành đúng điều lệ hoạt động của Công ty và Pháp luật Nhà nước.

**I. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI:**

1. Chủ trì: Ông Nguyễn Văn Sỹ - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Thư ký: Ông Nguyễn Đại Phúc
3. Số cổ đông tham dự đại hội có quyền biểu quyết tại Đại hội 20 cổ đông.

Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty.

**II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI :**

**1.Đại hội nghe Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trình bày các nội dung theo chương trình Đại hội như sau:**

- 1.1. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, nhiệm vụ SXKD năm 2023.
- 1.2.Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT trong năm 2022.
- 1.3. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Công ty và thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022.
- 1.4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
- 1.5. Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023.





- 1.6. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022.
- 1.7. Tờ trình về việc trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán mức thù lao năm 2023.
- 1.8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.

## **2. Đại hội thảo luận:**

Thông nhất các nội dung báo cáo của HĐQT và BKS đã thông qua trong Đại hội.

Ý kiến 1: Trong Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và mục tiêu, nhiệm vụ 2023. Cổ đông Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước có ý kiến bổ sung:

Đề nghị Ban điều hành Công ty rút kinh nghiệm trong việc xây dựng dự toán, quản lý tiến độ các gói thầu để tránh phát sinh lỗ; sử dụng hiệu quả các nguồn lực xe, máy của công ty để tiết kiệm chi phí thuê ngoài; cải thiện biên lợi nhuận các công trình khắc phục bão lũ; đối với các công trình thua lỗ hoặc hiệu quả thấp, Ban điều hành phân tích rõ ràng, cụ thể các nguyên nhân cùng với số liệu thống kê báo cáo Hội đồng quản trị; tăng cường hơn nữa các biện pháp quản trị để quản lý tốt chi phí qua đó nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong năm 2023.

Ý kiến 2: Trong Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và kế hoạch năm 2023. Cổ đông Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước có ý kiến bổ sung:

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác trong việc cung cấp các số liệu liên quan đến tiền lương theo hợp đồng lao động của người lao động và người quản lý, đảm bảo đúng quy định pháp luật hiện hành.

## **III. KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO, TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI: (BẢNG PHIẾU BIỂU QUYẾT)**

1. Báo cáo của Ban điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2022, nhiệm vụ SXKD năm 2023:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

2. Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động của HĐQT và các thành viên HĐQT trong năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

3. Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Công ty và thẩm tra báo cáo tài chính năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

4. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

5. Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023:





Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

6. Tờ trình kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

7. Tờ trình về việc trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán mức thù lao năm 2023:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

8. Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023:

Số cổ phần biểu quyết đồng ý: 1.557.405 cổ phần, chiếm tỷ lệ : 100%; không đồng ý: 00 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 0%;

Biên bản được đọc lại cho toàn thể cổ đông tham dự Đại hội cùng nghe và thống nhất thông qua.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI

Nguyễn Đại Phúc



CHỦ TRÌ ĐẠI HỘI

Nguyễn Văn Sỹ





CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM



**TÀI LIỆU**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN**  
**NĂM 2023**

Quảng Nam, tháng 6 năm 2023



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH  
GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM



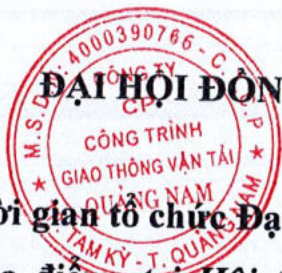
# TÀI LIỆU

## ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

Quảng Nam, tháng 6 năm 2023



**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG VẬN TẢI QUẢNG NAM**  
Địa chỉ: Số 10 Nguyễn Du - P. An Mỹ - TP. Tam Kỳ - tỉnh Quảng Nam  
Điện thoại: 0235 3851 577 - Fax: 0235 3852 098  
Website: [www.cotracoqna.vn](http://www.cotracoqna.vn) - Email:...



## **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

**I- Thời gian tổ chức Đại hội: 8 giờ 00 phút, ngày 27/06/2023.**

**II- Địa điểm: tại Hội trường Công ty cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam, số 10 Nguyễn Du, P. An Mỹ, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam.**

**III- Nội dung Đại hội:**

- 1- Đăng ký cổ đông, phát tài liệu.
- 2- Báo cáo kết quả thẩm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.
- 3- Chào cờ, tuyên bố lí do, giới thiệu thành phần tham dự.
- 4- Thông qua thành phần Đoàn chủ tịch, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu, mời Chủ tịch lên điều hành Đại hội.
- 5- Thông qua chương trình đại hội.
- 6- Báo cáo của Ban điều hành về tổng kết hoạt động SXKD năm 2022, mục tiêu và nhiệm vụ SXKD năm 2023.
- 7- Báo cáo của HĐQT về công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động SXKD năm 2022 và nhiệm vụ của HĐQT năm 2023.
- 8- Báo của Ban kiểm soát về quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh Công ty và thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2022.
- 9- Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.
- 10- Tờ trình về quyết toán quỹ tiền lương của Người lao động, Người quản lý năm 2022 và quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023.
- 11- Tờ trình về kế hoạch phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022.
- 12- Tờ trình về việc trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2022 và dự toán mức thù lao năm 2023.
- 13- Tờ trình về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
- 14- Thảo luận, giải đáp ý kiến của Cổ đông.
- 15- Biểu quyết thông qua các nội dung Đại hội.
- 16- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội.
- 17- Bế mạc Đại hội.



**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH  
GTVT QUẢNG NAM**

Số: 08 /BC-SXKD

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 6 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022 VÀ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SXKD NĂM 2023**

#### **PHẦN MỘT**

#### **KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022**

##### **1. Những khó khăn và thuận lợi trong năm 2022**

###### **a -Khó khăn**

Năm 2022 là năm khó khăn chung với ngành xây dựng, đặc biệt là ngành giao thông, làm ảnh hưởng lớn đến SXKD và hiệu quả của công ty, cụ thể những khó khăn chính như sau:

Do ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina, dẫn đến giá nhiên liệu, và các loại vật tư chính như nhựa đường, dầu FO,... tăng cao và kéo dài. Giá nhiên liệu tăng cũng làm phát sinh tăng các loại chi phí khác như thuê máy, chi phí vận chuyển.

Do ảnh hưởng của tình hình chung nên các công trình quanh khu vực mỏ đá không triển khai thi công, dẫn đến tình hình tiêu thụ đá giảm mạnh.

Định mức nhân công, ca máy quá thấp so với thực tế thi công, nhưng hiện nay Nhà nước đến nay vẫn chưa thay đổi để phù hợp.

Do lạm phát tăng cao nên lãi vay cũng tăng cao, dẫn đến chi phí đi vay cao, và tình hình vay vốn cũng khó khăn hơn nhiều năm trước.

Một số công trình do vật tư khan hiếm, không có trạm sản xuất BTN nóng, nên công ty phải lấy từ Trạm BTN tại Duy Trung làm tăng chi phí vận chuyển.

###### **b -Thuận lợi**

Bên cạnh những khó khăn, chúng ta vẫn có những thuận lợi sau:

Xuất phát từ những khó khăn trong thực tế, Bộ máy lãnh đạo công ty đã có những giải pháp kịp thời, chỉ đạo, giám sát linh hoạt trong điều hành sản xuất, bên cạnh đó là tinh thần đoàn kết thống nhất, ý thức người lao động, nỗ lực của các phòng nghiệp vụ, các công trường, bộ phận xe máy, các Xí nghiệp đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của công ty.

##### **2. Kết quả các chỉ tiêu cơ bản**

Tổng doanh thu năm 2022 đạt gần 91,6 tỷ đồng đạt kế hoạch.

Lợi nhuận trước thuế: 2,42 tỷ đồng đạt 52,6 % so với kế hoạch

Tiền lương bình quân của NLĐ: 9,53 triệu đồng/người/tháng.

Dự kiến cổ tức năm 2022 trình Đại hội ĐCĐ năm 2023: 8%.





Chi tiết kết quả thực hiện năm 2022 như sau:

| STT      | Nội dung                                     | ĐVT             | Năm 2021          | Năm 2022         | N2022/N2021                               |
|----------|----------------------------------------------|-----------------|-------------------|------------------|-------------------------------------------|
| <b>I</b> | <b>Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b> |                 |                   |                  |                                           |
| <b>1</b> | <b>Doanh thu</b>                             |                 |                   |                  |                                           |
| -        | Doanh thu hoạt động xây dựng                 | Tr. Đồng        | 126.803,23        | 80.406,76        | 63,41%                                    |
| -        | Giảm trừ doanh thu hoạt động xây dựng        | Tr. Đồng        | 565,67            | 352,80           | 62,37%                                    |
| -        | Doanh thu thuần hoạt động xây dựng           | Tr. Đồng        | 126.237,56        | 80.053,96        | 63,42%                                    |
| -        | Doanh thu hoạt động khai thác đá             | Tr. Đồng        | 11.449,55         | 6.661,18         | 58,18%                                    |
| -        | Doanh thu hoạt động khai thác đất            | Tr. Đồng        | -                 | 2.542,56         | Không so sánh do năm 2021 không phát sinh |
| -        | Doanh thu hoạt động khác                     | Tr. Đồng        | 1.157,58          | 726,83           | 62,79%                                    |
| -        | Doanh thu hoạt động tài chính                | Tr. Đồng        | 481,18            | 149,72           | 31,12%                                    |
| -        | Thu nhập khác                                | Tr. Đồng        | 3.627,40          | 1.521,81         | 41,95%                                    |
| -        | <b>Tổng cộng</b>                             | <b>Tr. Đồng</b> | <b>142.953,28</b> | <b>91.656,06</b> | <b>64,12%</b>                             |
| <b>2</b> | <b>Giá vốn</b>                               |                 |                   |                  |                                           |
| -        | Giá vốn hoạt động xây dựng                   | Tr. Đồng        | 119.225,97        | 75.093,20        | 62,98%                                    |
| -        | Giá vốn hoạt động khai thác đá               | Tr. Đồng        | 9.860,14          | 6.084,62         | 61,71%                                    |
| -        | Giá vốn hoạt động khai thác đất              | Tr. Đồng        | -                 | 1.578,88         | Không so sánh do năm 2021 không phát sinh |
| -        | Giá vốn hoạt động khác                       | Tr. Đồng        | 581,30            | 333,58           | 57,39%                                    |
| -        | Chi phí hoạt động tài chính                  | Tr. Đồng        | 697,15            | 491,06           | 70,44%                                    |
| -        | Chi phí khác                                 | Tr. Đồng        | 69,42             | 18,73            | 26,98%                                    |
| -        | <b>Tổng cộng</b>                             | <b>Tr. Đồng</b> | <b>130.433,97</b> | <b>83.600,08</b> | <b>64,09%</b>                             |
| <b>3</b> | <b>Lợi nhuận gộp</b>                         |                 |                   |                  |                                           |
| -        | Lợi nhuận gộp hoạt động xây dựng             | Tr. Đồng        | 7.011,60          | 4.960,76         | 70,75%                                    |
| -        | Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác đá         | Tr. Đồng        | 1.589,41          | 576,56           | 36,27%                                    |
| -        | Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác đất        | Tr. Đồng        | -                 | 963,68           | Không so sánh do năm 2021 không phát sinh |
| -        | Lợi nhuận gộp hoạt động khác                 | Tr. Đồng        | 576,29            | 393,25           | 68,24%                                    |
| -        | Lợi nhuận từ hoạt động tài chính             | Tr. Đồng        | (215,96)          | (341,34)         | 158,06%                                   |



|     |                                         |                  |                  |                 |               |
|-----|-----------------------------------------|------------------|------------------|-----------------|---------------|
| -   | Lợi nhuận khác                          | Tr. Đồng         | 3.557,98         | 1.503,08        | 42,25%        |
| -   | <b>Tổng cộng</b>                        | <b>Tr. Đồng</b>  | <b>12.519,31</b> | <b>8.055,98</b> | <b>64,35%</b> |
| 4   | Chi phí bán hàng                        | Tr. Đồng         | -                | -               |               |
| 5   | Chi phí quản lý doanh nghiệp            | Tr. Đồng         | 7.436,14         | 5.634,97        | 75,78%        |
| 6   | Lợi nhuận trước thuế TNDN               | Tr. Đồng         | 5.083,18         | 2.421,01        | 47,63%        |
| II  | Tiền lương bình quân của người lao động | Tr.đ/người/tháng | 9,53             | 9,53            |               |
| III | Cổ tức                                  | %                | 15               | 8               |               |

(Ghi chú: Doanh thu hoạt động khác năm 2022 bao gồm doanh thu từ hoạt động cho thuê xe máy phục vụ thi công cho các công ty khác, doanh thu từ cung cấp bê tông nhựa nóng,...)

Công ty hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, người lao động, tình hình tài chính của công ty an toàn, không phát sinh nợ xấu.

Năm 2022 là năm Công ty đã thực hiện tốt công tác thu hồi vốn, đối với các công trình triển khai thi công trong năm, Công ty đã được thanh toán hết trong quý I/năm 2023. Đối với các khoản công nợ phát sinh từ các năm trước, công ty cũng đã làm việc với các chủ đầu tư để thanh toán, tổng giá trị đã được thanh toán đến quý I/năm 2023 là hơn 110 tỷ đồng.

### 3. Một số nguyên nhân chính làm ảnh hưởng đến lợi nhuận

Mặc dù lợi nhuận SXKD năm 2022 của công ty đạt 2,42 tỷ đồng, song vẫn không đạt kế hoạch lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội ĐCĐ năm 2022 đề ra, do các nguyên nhân sau :

- Các năm trước đây, hoạt động khai thác đá đóng góp một phần quan trọng trong lợi nhuận của Công ty. Trong năm 2022, do ảnh hưởng của tình hình chung nên hoạt động xây dựng trên địa bàn xung quanh khu vực mỏ đá suy giảm mạnh, dẫn đến giá trị tiêu thụ đá giảm mạnh (doanh thu tiêu thụ đá năm 2022 đạt 6,67 tỷ đồng, đạt 58% so với năm 2021), làm ảnh hưởng đến chỉ tiêu lợi nhuận.

- Hầu hết các công trình thi công năm 2022 đều bị ảnh hưởng những khó khăn nêu trên, làm giá thành tăng cao, lợi nhuận giảm.

- Công trình đường Tam Trà – Trà Kot: đây là công trình xây dựng cơ bản, trúng thầu vào năm 2021, hạng mục chính của công trình là thi công hệ thống công, mương dọc, đào đất, làm mặt đường đá cấp phối và thảm bê tông nhựa mặt đường. Trong năm 2022, do ảnh hưởng của tình hình chung nên giá nhiên liệu, vật liệu tăng cao đột biến dẫn tới chi phí đào đường, chi phí vận chuyển, chi phí mua vật tư và chi phí sản xuất BTN tăng cao, hơn nữa dự toán chi phí vận chuyển BTN tính từ Tam Dân nhưng thực tế công ty phải sản xuất BTN tại trạm Duy Trung của công ty làm cự ly vận chuyển tăng hơn 53Km (do trạm Tam Dân chất lượng nhựa không đạt yêu cầu), do đó làm phát sinh tăng mạnh về chi phí, dẫn đến lợi nhuận gộp của công trình không đạt như dự kiến (từ lãi thành lỗ).



#### **4. Đánh giá về hoạt động sản xuất kinh doanh**

Năm 2022 là năm rất khó khăn với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, nhưng nhờ sự cố gắng, quyết liệt của Ban lãnh đạo Công ty và toàn thể người lao động, Công ty đã vượt qua và đạt được kết quả tốt, là nền tảng vững chắc để phát triển trong những năm tiếp theo.

#### **5. Hoạt động đầu tư và thanh lý tài sản cố định trong năm 2022**

- Hoạt động đầu tư: Để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, trong năm 2022 công ty đầu tư thêm tài sản cố định với giá trị hơn 1 tỷ đồng, cụ thể như sau: 02 máy lu rung cầm tay đã qua sử dụng có giá trị 100 triệu đồng, 01 máy đào bánh lốp đã qua sử dụng có giá trị 755 triệu đồng, 01 hệ thống trạm cân điện tử để cân đá thô có giá trị 215 triệu đồng.

- Hoạt động thanh lý tài sản: Trong năm 2022, Công ty đã tiến hành thanh lý một số máy móc thiết bị đã cũ, hay hư hỏng, tiêu hao nhiên liệu hoặc không còn nhu cầu sử dụng để thu hồi vốn, tổng giá trị thanh lý là 789 triệu đồng, cụ thể như sau: 01 máy đào bánh xích giá trị 260 triệu đồng, 01 xe ô tô Cửu Long giá trị 56 triệu đồng, 01 xe ô tô đầu kéo giá trị 143 triệu đồng, 04 máy trộn bê tông xi măng giá trị 107 triệu đồng, 01 máy lu Sakai 10 tấn giá trị 84 triệu đồng và 01 máy đào bánh lốp giá trị 139 triệu đồng.

### **PHẦN THỨ HAI**

#### **MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP SXKD NĂM 2023**

Năm 2023, khó khăn trong lĩnh vực xây dựng cầu đường tác động đến hoạt động SXKD của công ty chủ yếu vẫn là những khó khăn của các năm trước ảnh hưởng đến như : Giá nguyên, vật liệu chính biến động và tăng cao, cụ thể như nhiên liệu, nhựa đường, xi măng, thép, cát, đất ...tăng cao, thị trường bất động sản cũng như xây dựng khó khăn làm cho tiêu thụ đá thấp.

- Giá nhân công vẫn chưa được tỉnh Quảng Nam điều chỉnh nên giá nhân công thực tế chi trả cao hơn so với dự toán khoảng 1,8- 2 lần, tùy theo khu vực.

- Đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam khan hiếm cát và đất xây dựng, làm cho giá cát và đất tăng đột biến, giá cát tăng 1,8 lần so với cuối năm 2022, đất tăng 1,7 lần, mặc dù giá cao song vẫn không đủ nguyên liệu để thi công, chậm tiến độ tăng chi phí sản xuất.

- Năm 2023 nhiều dự án trong tỉnh được chuyển sang giai đoạn 2026-2030 nên việc làm ít, sức cạnh tranh cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và hiệu quả.

- Mặc dù thiết bị xe máy công ty đa số hết khấu hao, đa số các thiết bị đã hoạt động được trên 15 năm kể từ năm sản xuất, nên thường xuyên hư hỏng, năng suất sử dụng thấp, tiêu hao nhiều nhiên liệu, làm tăng chi phí ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD.

- Tiền thuê đất của Công ty hàng năm quá lớn, năm 2023, công ty phải nộp tiền thuê đất 1,3 tỷ đồng (trong đó tiền thuê đất bộ phận văn phòng Công ty là 887 triệu đồng), chi phí tăng, dẫn đến lãi trong hoạt động SXKD giảm.

Đứng trước một số khó khăn cơ bản trên, HĐQT, Ban điều hành Công ty trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2023 các mục tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

#### **I. Mục tiêu**



- Thực hiện tốt Luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty, thực hiện và nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, các chế độ chính sách đối với người lao động.
  - Công ty lấy việc duy trì, ổn định để phát triển cho các năm sau, doanh thu, lợi nhuận, cổ tức đạt kế hoạch đề ra, đảm bảo đời sống cho người lao động, trong tài chính không để xảy ra nợ xấu là mục tiêu xuyên suốt trong năm.
  - Chỉ tham gia đấu thầu các công trình có thời gian hợp đồng ngắn, chú trọng đấu thầu những công trình mà khai thác được lợi thế của công ty như: Công trình có tính chất truyền thống để tận dụng kinh nghiệm, công trình gần mỏ đá nhằm tiêu thụ đá của mỏ đá Duy Trung, công trình sử dụng bê tông nhựa nóng.
  - Đã trúng thầu thì phải thi công đạt chất lượng, đúng tiến độ nhằm giữ vững thương hiệu công ty trong thị trường hiện nay.
  - Tập trung ưu tiên cho công tác sản xuất và tiêu thụ đá, tăng cường công tác tiếp thị và nâng cao chất lượng trong sản xuất đá.
  - An toàn trong thi công các công trình và trong công tác bảo trì đường bộ, không để xảy ra tai nạn do chủ quan, chú trọng trong công tác bảo trì đường bộ, công tác ô gà và hệ thống an toàn giao thông như biển báo, sơn kẻ đường,...
- Với các mục tiêu chính nêu trên, Ban lãnh đạo Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 các chỉ tiêu chính như sau:

| STT | Chỉ tiêu                              | Đơn vị tính       | Kế hoạch 2023 |
|-----|---------------------------------------|-------------------|---------------|
| 1   | Tổng Doanh thu                        | Tr. đồng          | 85.000        |
| 2   | Lợi nhuận trước thuế                  | Tr. đồng          | 2.200         |
| 3   | Lợi nhuận sau thuế                    | Tr. đồng          | 1.760         |
| 4   | Cổ tức                                | %                 | 6,5           |
| 5   | Thu nhập bình quân của người lao động | Tr.đ/người /tháng | 9,53          |

Chi tiết kế hoạch năm 2023 cụ thể như sau:

| STT      | Nội dung                                     | ĐVT      | Năm 2022  | KH Năm 2023 | N2023/N2022 |
|----------|----------------------------------------------|----------|-----------|-------------|-------------|
| <b>I</b> | <b>Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh</b> |          |           |             |             |
| <b>1</b> | <b>Doanh thu</b>                             |          |           |             |             |
| -        | Doanh thu hoạt động xây dựng                 | Tr. Đồng | 80.406,76 | 78.000      | 97,01%      |
| -        | Giảm trừ doanh thu hoạt động xây dựng        | Tr. Đồng | 352,80    | 450         | 85,03%      |
| -        | Doanh thu thuần hoạt động xây dựng           | Tr. Đồng | 80.053,96 | 77.550      | 97,06%      |
| -        | Doanh thu hoạt động khai thác đá             | Tr. Đồng | 6.661,18  | 7.000       | 105,09%     |
| -        | Doanh thu hoạt động khai thác đất            | Tr. Đồng | 2.542,56  | -           | 0,00%       |
| -        | Doanh thu hoạt động khác                     | Tr. Đồng | 726,83    | 300         | 41,28%      |
| -        | Doanh thu hoạt động tài chính                | Tr. Đồng | 149,72    | 150         | 100,19%     |



|            |                                                |                         |                  |               |                |
|------------|------------------------------------------------|-------------------------|------------------|---------------|----------------|
| -          | Thu nhập khác                                  | Tr. Đồng                | 1.521,81         | -             | 0,00%          |
| -          | <b>Tổng cộng</b>                               | <b>Tr. Đồng</b>         | <b>91.656,06</b> | <b>85.000</b> | <b>92,90%</b>  |
| <b>2</b>   | <b>Giá vốn</b>                                 |                         |                  |               |                |
| -          | Giá vốn hoạt động xây dựng                     | Tr. Đồng                | 75.093,20        | 69.480        | 92,72%         |
| -          | Giá vốn hoạt động khai thác đá                 | Tr. Đồng                | 6.084,62         | 6.300         | 103,54%        |
| -          | Giá vốn hoạt động khai thác đất                | Tr. Đồng                | 1.578,88         | -             | 0,00%          |
| -          | Giá vốn hoạt động khác                         | Tr. Đồng                | 333,58           | 220           | 65,95%         |
| -          | Chi phí hoạt động tài chính                    | Tr. Đồng                | 491,06           | 500           | 101,82%        |
| -          | Chi phí khác                                   | Tr. Đồng                | 18,73            | -             | 0,00%          |
| -          | <b>Tổng cộng</b>                               | <b>Tr. Đồng</b>         | <b>83.600,08</b> | <b>76.500</b> | <b>91,69%</b>  |
| <b>3</b>   | <b>Lợi nhuận gộp</b>                           |                         |                  |               |                |
| -          | Lợi nhuận gộp hoạt động xây dựng               | Tr. Đồng                | 4.960,76         | 8.070         | 162,68%        |
| -          | Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác đá           | Tr. Đồng                | 576,56           | 700           | 121,41%        |
|            | Lợi nhuận gộp hoạt động khai thác đất          | Tr. Đồng                | 963,68           | -             | 0,00%          |
| -          | Lợi nhuận gộp hoạt động khác                   | Tr. Đồng                | 393,25           | 80            | 20,34%         |
| -          | Lợi nhuận từ hoạt động tài chính               | Tr. Đồng                | (341,34)         | (350)         | 102,54%        |
| -          | Lợi nhuận khác                                 | Tr. Đồng                | 1.503,08         | -             | 0,00%          |
| -          | <b>Tổng cộng</b>                               | <b>Tr. Đồng</b>         | <b>8.055,98</b>  | <b>8.500</b>  | <b>105,51%</b> |
| <b>4</b>   | <b>Chi phí bán hàng</b>                        | <b>Tr. Đồng</b>         | -                | -             |                |
| <b>5</b>   | <b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>            | <b>Tr. Đồng</b>         | <b>5.634,97</b>  | <b>6.300</b>  | <b>111,80%</b> |
| <b>6</b>   | <b>Lợi nhuận trước thuế TNDN</b>               | <b>Tr. Đồng</b>         | <b>2.421,01</b>  | <b>2.200</b>  | <b>90,87%</b>  |
| <b>II</b>  | <b>Tiền lương bình quân của người lao động</b> | <b>Tr.đ/người/tháng</b> | <b>9,53</b>      | <b>9,53</b>   |                |
| <b>III</b> | <b>Cổ tức</b>                                  | <b>%</b>                | <b>8</b>         | <b>6,5</b>    |                |

Ghi chú: Năm 2023, doanh thu hoạt động khai thác đất bằng 0 do giấy phép khai thác đất tận thu có thời hạn đến 31/12/2022 và công ty cũng đã khai thác hết sản lượng theo giấy phép trong năm 2022. Hoạt động khai thác đất này không còn xảy ra trong những năm tiếp theo vì sản lượng đất tận thu được cho phép khai thác theo quy định đã được khai thác hết trong năm 2022.

## II. Kế hoạch và giải pháp chủ yếu

Doanh thu năm 2023 xây dựng 85 tỷ đồng cụ thể sản lượng như sau:

- 1- Các công trình chuyển tiếp từ năm 2022: 31,6 tỷ đồng.
- 2- Công trình đã ký hợp đồng từ đầu năm đến nay: 22,8 tỷ đồng.
- 3- Xây dựng kế hoạch sản xuất và tiêu thụ đá 7 tỷ đồng.
- 4- Công trình sửa chữa định kỳ (SCĐK), xây dựng cơ bản (XDCB) đang triển



khai đấu thầu và dự kiến đấu thầu đến 31/12/2023: 23,6 tỷ đồng.

### **1. Giải pháp và tổ chức thực hiện đạt doanh thu và lợi nhuận 2023**

Trong giai đoạn khó khăn hiện nay, để đạt được lợi nhuận 2,2 tỷ đồng trên doanh thu 85 tỷ là rất khó, vì vậy cần phải xây dựng cụ thể về biện pháp thi công, xây dựng tiến độ và kiểm soát tiến độ, công tác quản lý vật tư, ca xe, ca máy, các chi phí đầu vào cho từng công trình, gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu từ Ban Tổng Giám đốc công ty, các phòng nghiệp vụ, chỉ huy trưởng công trường và các giám đốc xí nghiệp.

a- Đối với công tác Sửa chữa thường xuyên (SCTX): Giá trị doanh thu năm nay khoảng 22,8 tỷ đồng, đối với phần tiêu chí, Công ty tiếp tục hợp đồng các Xí nghiệp quản lý sửa chữa đường bộ, phần sửa chữa mặt đường có giá trị lớn giao công trường công ty tổ chức thực hiện. Ngoài công tác SCTX các Xí nghiệp quản lý đường muốn nhận thêm các công trình khác thì đề xuất, công ty căn cứ năng lực sẽ hợp đồng những khối lượng công việc phù hợp để đơn vị thi công.

- Một số công việc trong công tác SCTX như : Tổ chức thi công, quản lý vật tư, thiết bị, kỹ thuật ở công trường sửa chữa mặt đường giao Phòng BTĐB đảm nhận, nhằm giảm bớt chi phí thuê ngoài, tăng thu nhập cho cán bộ công nhân viên trong phòng.

b- Đối với các công trình SCĐK và XD CB: dự kiến năm nay thi công khoảng 46,9 tỷ đồng, bao gồm các công trình chuyển tiếp và đấu thầu từ nay đến cuối năm.

- Công trình đường Tam Trà đi Trà Kót là công trình khó khăn, giá thấp do trúng thầu năm 2021, năm 2021 và 2022 đã thi công được 20,6 tỷ đồng. Năm 2023 biết trước khó khăn trong thi công như: thời tiết miền núi thường xuyên mưa, vật liệu vận chuyển xa, BTN phải chờ từ Duy trung lên...nhưng đã ký hợp đồng và cam kết tiến độ, vì vậy các công trường phải tranh thủ thời tiết nắng, tuân thủ kế hoạch đã được chủ đầu tư giao, đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành phần khối lượng năm nay 15 tỷ trước ngày 15/8 để rút quân trước mùa mưa, sang năm 2024 có mặt bằng phần còn lại của dự án, Công ty thi công nốt khối lượng còn lại (khoảng 4,5 tỷ).

- Công trình SCĐK QL 14H và SCĐK ĐT 615 với giá trị 8,3 tỷ đã thi công xong, phòng BTĐB quyết tâm làm các thủ tục quyết toán để chủ đầu tư thanh toán vốn, tạo điều kiện công ty có vốn triển khai các công trình trúng thầu trong quý II/2023.

- Các công trình SCĐK đã đấu thầu, và dự kiến thi công từ nay đến cuối năm khoảng 23,6 tỷ đồng, cần được tổ chức thi công như sau : Giao cho 3 công trường và tổ xe máy công ty thi công, một số hạng mục đòi hỏi nhiều lao động phổ thông, công ty giao các xí nghiệp nhận khoán hoặc thực hiện như các công trường của công ty, với mục đích cùng đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành sớm trước mùa mưa bão.

c- Công trình KPBL : Ngay từ đầu năm đến nay, công ty đã thực hiện xong giá trị doanh thu ước tính là 8,3 tỷ đồng, công ty quyết tâm hoàn thành công tác nghiệm thu, hồ sơ trước ngày 15/6 để Chủ đầu tư bố trí vốn và được giải ngân trong Quý III/2023.

- Trong năm nay nếu bão lũ xảy ra, các công trình KPBL tùy theo từng địa điểm, tính chất công việc, Ban TGD sẽ cùng các phòng nghiệp vụ công ty, công trường, tổ xe máy trực tiếp thi công nhằm khắc phục hậu quả nhanh nhất.



d- Trong công tác tiêu thụ và sản xuất đá: Hiện nay trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng nhiều khách hàng đã đến đăng ký mua đá nhưng do nhiều yếu tố khách quan như mặt bằng chưa có hoặc thi công chưa đến giai đoạn cần đá, nên từ đầu năm đến nay doanh thu bán đá thấp chỉ bằng 70% so với cùng kỳ năm 2022. Vì vậy Xí nghiệp đá và BTN phải nâng cao công tác tiếp thị tiêu thụ đá, tìm kiếm thị trường, nâng cao chất lượng sản phẩm để ký được nhiều hợp đồng bán đá, đạt Doanh thu năm 2023 như theo kế hoạch trên, đồng thời tổ chức sản xuất BTN nóng tạo việc làm ổn định cho người lao động.

## **2. Giải pháp về công tác đấu thầu, quản lý chất lượng, khối lượng, chi phí nhằm đạt được lợi nhuận đề ra**

a - Về đấu thầu và tìm kiếm việc làm: Trước tình hình hiện nay, năm 2023 công ty không chủ trương đấu thầu công trình có giá trị sản lượng cao, thời gian thi công dài, hệ số rủi ro lớn. Công ty quan tâm những công trình mà khả năng thi công được, có lãi, thu hồi vốn nhanh. Vì vậy công tác đấu thầu chú trọng những nội dung cơ bản sau :

- Trong quá trình làm hồ sơ đấu thầu, phải khảo sát về khối lượng giá vật tư, cự ly vận chuyển, chi phí nhân công và máy, dự báo một số chi phí sẽ xảy ra, nhằm xây dựng giá thầu cho phù hợp, đảm bảo trúng thầu thi công có lãi( Trừ những biến động lớn do khách quan).

- b - Quản lý chất lượng, khối lượng trong thi công: Năm 2022 công ty đã có nhiều biện pháp trong quản lý, tiết kiệm chi phí. Năm 2023 cần nâng cao và chú trọng các nội dung sau:

- Sau khi trúng thầu, công ty giao kế hoạch cho các công trường, Xí nghiệp để tổ chức thi công. Phòng KHKHKT và phòng BTĐB tùy theo các công trình được giao quản lý, bóc tách khối lượng, tổng hợp vật liệu chính, lập tiến độ thi công, lập phương án cung cấp vật liệu, mua sắm vật tư, bố trí máy móc thiết bị theo yêu cầu của công trình để Phòng TCKT căn cứ khối lượng và phương án cung cấp cho từng công trình theo từng thời điểm.

- Theo dõi, quản lý chặt chẽ mức tiêu hao vật liệu, nhiên liệu thi công trên các công trường của công ty, nhằm giúp Ban tổng giám đốc kịp thời điều chỉnh hoặc xử lý sai phạm do thất thoát trên các công trường.

- Kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện khối lượng, tiến độ, chất lượng trong quá trình thi công của các Công trường theo từng tháng, cuối công trình tổng hợp để Phòng TCKT có cơ sở tạm ứng cho công trường và thanh toán cho khách hàng.

- Đối với những phần việc giao khoán gọn cho các Xí nghiệp và các đơn vị bên ngoài, kiểm soát chặt chẽ việc thực hiện hợp đồng cho các đơn vị trong và ngoài công ty, kiểm soát khối lượng, tiến độ, chất lượng, công nợ ứng vốn theo đúng quy các điều khoản được ký kết trong hợp đồng.

## **3. Công tác tài chính kế toán**

- Nhanh chóng tạm ứng, thanh toán vốn các công trình đã ký hợp đồng và có hồ sơ thanh toán.

- Cung ứng kịp thời vật liệu đáp ứng thi công các công trình cho các công trường ở mọi thời điểm.

- Giá thành công trình phải được hạch toán riêng, giúp lãnh đạo công ty nắm



bất kịp thời, điều hành có hiệu quả.

- Theo dõi, khai báo thuế TNCN của người lao động kịp thời, tránh tình trạng sai sót, ngành thuế phạt, làm ảnh hưởng đến hiệu quả công ty.
- Tổ chức bộ phận kế toán cho phù hợp nhằm quản lý tốt công nợ ở các Xí nghiệp, khách hàng, chủ đầu tư. Quản lý chặt chẽ các khoản tạm ứng, bảo lãnh, thanh toán, cho các đơn vị trong và ngoài công ty theo đúng các điều kiện của từng hợp đồng.
- Theo dõi tình hình công nợ, tài chính các đơn vị, việc ứng vốn các công trường kịp thời để Ban Tổng Giám đốc nắm rõ có giải pháp kịp thời.
- Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, nhằm đảm bảo người lao động có ý thức cao trong công việc, tận tâm với công ty.

#### **4. Giải pháp về quản lý, điều hành**

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát chỉ đạo các hoạt động của Ban tổng giám đốc và bộ máy giúp việc nhằm đảm bảo thực hiện hiệu quả nghị quyết đại hội cổ đông đã đề ra, chỉ đạo các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty nhằm đưa công ty vượt qua khó khăn, nâng cao hiệu quả SXKD.
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra của HĐQT trong việc điều hành SXKD của bộ máy công ty, kịp thời đưa ra các giải pháp linh hoạt trong sản xuất, nhằm sớm có chủ trương để ban điều hành chỉ đạo tổ chức thực hiện, nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Phát huy thành tích đã đạt được trong các năm qua, chúng ta quyết tâm xây dựng thương hiệu công ty, mở rộng thị trường, cùng nhau đoàn kết xây dựng Công ty ngày càng phát triển bền vững, toàn diện.

Trên đây là kết quả hoạt động SXKD năm 2022 và mục tiêu nhiệm vụ, những giải pháp cơ bản năm 2023 của Công ty cổ phần công trình giao thông vận tải Quảng Nam.

Xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

**Nơi nhận:**

- SCIC;
- Cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Tuấn Anh**



**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VỀ QUẢN TRỊ VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
VÀ TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2022**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Căn cứ Điều lệ Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam, thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị như sau:

**I. Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022**

**1. Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của HĐQT:**

Trong năm 2022, HĐQT hàng quý tổ chức họp định kỳ 01 lần, khi cần thiết tổ chức họp bất thường, nội dung các cuộc họp định kỳ nhằm đánh giá kết quả thực hiện quý trước, phân khai kế hoạch SXKD quý tiếp theo để triển khai thực hiện.

Những cuộc họp bất thường để giải quyết công việc mới phát sinh nhằm hỗ trợ cho công tác điều hành SXKD đúng định hướng và đạt hiệu quả. Tổng cộng HĐQT đã tiến hành 6 phiên họp, ban hành 6 nghị quyết, quyết định để quản lý, chỉ đạo hoạt động của công ty trong các lĩnh vực khác nhau.

**2. Công tác quản trị, chỉ đạo của HĐQT:**

Hoạt động quản trị, chỉ đạo của HĐQT được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT, tôn trọng và đảm bảo quyền lợi của cổ đông, thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật.

Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đúng thẩm quyền, có hiệu lực cao, không gây cản trở, chông chéo đến công tác điều hành của ban Tổng Giám đốc. Hoạt động quản trị, chỉ đạo của HĐQT trong năm 2022 được thể hiện trong các lĩnh vực chính sau đây:

**2.1. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh:**

Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022 đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, HĐQT luôn theo dõi và giám sát hoạt động của Công ty về mọi mặt; nắm bắt tình hình, chỉ đạo sát sao, kịp thời điều chỉnh các kế hoạch SXKD phù hợp với tình hình thực tế.

Tổng doanh thu năm 2022 đạt gần 91,6 tỷ đồng đạt kế hoạch.  
Lợi nhuận trước thuế: 2,42 tỷ đồng đạt 52,6 % so với kế hoạch  
Tiền lương bình quân của NLĐ: 9,53 triệu đồng/người/tháng.  
Dự kiến cổ tức trình Đại hội ĐCĐ năm 2023: 8%.

**2.2. Trong lĩnh vực đầu tư và xây dựng cơ bản:**



Công tác đầu tư, xây dựng cơ bản của công ty được HĐQT xem xét, đánh giá một cách cẩn trọng trước khi thông qua; trình tự, thủ tục thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Mặc dù lợi nhuận SXKD năm 2022 của công ty đạt 2,42 tỷ đồng, song vẫn không đạt kế hoạch lợi nhuận theo nghị quyết Đại hội ĐCĐ năm 2022 đề ra, do các nguyên nhân sau :

Do ảnh hưởng của cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina, dẫn đến giá nhiên liệu, và các loại vật tư chính như nhựa đường, dầu FO,... tăng cao và kéo dài. Giá nhiên liệu tăng cũng làm phát sinh tăng các loại chi phí khác như thuê máy, chi phí vận chuyển.

Do ảnh hưởng của tình hình chung nên các công trình quanh khu vực mỏ đá không triển khai thi công, dẫn đến tình hình tiêu thụ đá giảm mạnh.

Định mức nhân công, ca máy quá thấp so với thực tế thi công, nhưng hiện nay Nhà nước đến nay vẫn chưa thay đổi để phù hợp.

Do lạm phát tăng cao nên lãi vay cũng tăng cao, dẫn đến chi phí đi vay cao, và tình hình vay vốn cũng khó khăn hơn nhiều năm trước.

Một số công trình do vật tư khan hiếm, không có trạm sản xuất BTN nóng, nên công ty phải lấy từ Trạm BTN tại Duy Trung làm tăng chi phí vận chuyển.

Bên cạnh những khó khăn, chúng ta vẫn có những thuận lợi sau :

- Luôn được sự giúp đỡ, hỗ trợ của UBND tỉnh Quảng Nam, Sở GTVT, Tổng cục đường bộ, các Ban QLDA, các Huyện trong tỉnh.

- Bộ máy lãnh đạo công ty đã phối hợp lãnh chỉ đạo, linh hoạt trong điều hành sản xuất, tinh thần đoàn kết thống nhất, phấn đấu vượt qua khó khăn thách thức của tập thể người lao động, nỗ lực của các phòng nghiệp vụ, các công trường, bộ phận xe máy, các Xí nghiệp đã góp phần quan trọng vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 của công ty.

- Thu nhập bình quân người lao động: 9,53 triệu đồng/người/tháng. Các đơn vị trong công ty có việc làm đầy đủ liên tục trong năm.

- Nộp đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước, thực hiện đầy đủ và tốt các chế độ chính sách đối với người lao động.

- Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ, tài chính công ty luôn lành mạnh không có nợ xấu.

### **2.3. Trong lĩnh vực tổ chức nhân sự và bộ máy quản lý:**

Công tác tổ chức bộ máy quản lý của công ty tiếp tục được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Tổng giám đốc và các phòng, đơn vị trực thuộc được phân định rõ ràng. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty được sắp xếp một cách chặt chẽ, từng vị trí công việc được bố trí phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ, mang lại hiệu quả cao trong công việc.

Trong năm 2022, HĐQT tiếp tục giao ban tổng giám đốc thành lập các công trường xây dựng cơ bản giao cho phòng KHKT, phòng BTĐB trực tiếp chỉ đạo thi công đem lại hiệu quả và đảm bảo tiến độ mà công ty đã ký với chủ đầu tư.



Các quy chế, quy định, quyết định điều chỉnh các mặt hoạt động của công ty tiếp tục được kiện toàn làm cơ sở cho công tác chỉ đạo, quản lý hoạt động của công ty.

#### **2.4. Trong lĩnh vực tài chính:**

- Việc quản lý và sử dụng tài chính được quản lý và cân đối tốt, tình hình công nợ được kiểm soát chặt chẽ, công tác thu hồi nợ trong năm đạt kết quả tốt, Công ty đã làm việc với chủ đầu tư để thanh toán được hơn 90% các khoản nợ từ năm 2022 trở về trước, đối với các công trình triển khai thi công năm 2022, công ty đã được chủ đầu tư thanh toán đầy đủ trong năm 2022 và đầu năm 2023.

- Cung ứng kịp thời vật liệu đáp ứng thi công các công trình cho các công trường ở mọi thời điểm.

### **3. Hoạt động của từng thành viên HĐQT**

#### **3.1. Nguyễn Văn Sỹ, chủ tịch HĐQT:**

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 đầy đủ, bám sát nội dung nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022.

- Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ 6 cuộc họp HĐQT;

- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến vào các nghị quyết HĐQT.

- Tham gia xây dựng chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Tham gia điều hành, báo cáo các văn kiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

#### **3.2. Ông Nguyễn Tuấn Anh, Phó Chủ tịch HĐQT:**

Năm 2022, với vai trò Phó Chủ tịch HĐQT, ông Nguyễn Tuấn Anh hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của thể hiện qua các hoạt động như sau:

- Xây dựng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2022 đầy đủ, bám sát nội dung nghị quyết đại hội đồng cổ đông năm 2022;

- Chuẩn bị chương trình, tham mưu nội dung, tài liệu phục vụ 6 cuộc họp HĐQT;

- Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;

#### **3.3. Ông Nguyễn Đức Hiếu, UVHĐQT:**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến vào các nghị quyết HĐQT.

#### **3.4. Ông Nguyễn Cao Cường, UVHĐQT:**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến vào các nghị quyết HĐQT.

- Quản lý tài liệu, văn bản của Hội đồng quản trị.

- Chuẩn bị các tài liệu, nội dung phục vụ các cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch phân công.

- Tham gia xây dựng chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.



- Tham gia điều hành, báo cáo các văn kiện tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Quản trị về kỹ thuật tại các công trình xây dựng do Công ty thi công.
- Tham gia quản trị về công tác nhân sự.

### **3.5. Lê Văn Xí, UVHĐQT:**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến vào các nghị quyết HĐQT.

### **3.6. Đoàn Văn Dũng, UVHĐQT:**

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến vào các nghị quyết HĐQT.
- Tham gia xây dựng chương trình, tài liệu phục vụ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Tham gia quản trị về sản xuất tại các công trình xây dựng, phụ trách công tác thi công bê tông nhựa.

## **4. Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị**

Bên cạnh công tác quản lý, chỉ đạo, hoạt động giám sát của HĐQT đối với hoạt động của ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cũng được tăng cường, đảm bảo cho hoạt động của công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, điều lệ công ty, triển khai đúng theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị.

### **4.1. Đối với Tổng giám đốc:**

Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng theo định hướng phát triển và các chỉ tiêu kế hoạch Nghị quyết đại đồng cổ đông đề ra. Trong điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tính năng động sáng tạo và đoàn kết vượt qua khó khăn để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra, cụ thể như sau:

- Trong điều hành hoạt động kinh doanh, Tổng Giám đốc đã đưa ra các cơ chế, chính sách kinh doanh hợp lý đem lại hiệu quả cao.
- Công tác phát triển thị trường được thực hiện một cách có hiệu quả, thị trường truyền thống của công ty được giữ vững.
- Công tác tìm kiếm việc làm phát huy hiệu quả, ký được nhiều hợp đồng với chủ đầu tư góp phần thực hiện hoàn thành doanh thu năm 2022 đồng thời tiêu thụ đá các loại, tạo việc làm cho Xí nghiệp đá – BTN Duy Trung.
- Việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT được Ban Tổng Giám đốc thực hiện triệt để, có hiệu quả.
- Tình hình tài chính, các khoản chi phí được Tổng Giám đốc kiểm soát tốt, không để xảy ra thiệt hại cho Công ty.
- Công tác đầu tư và xây dựng cơ bản được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
- Thực hiện tốt các chính sách tiền lương, thưởng, cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.
- Chấp hành tốt các quy định của pháp luật và điều lệ công ty trong quá trình điều hành công ty.

### **4.2. Đối với cán bộ quản lý Công ty:**



Cán bộ quản lý Công ty đã có đủ tố chất và năng lực trong công tác nghiệp vụ, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, có tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo trong kế hoạch SXKD; nắm vững công tác chuyên môn nghiệp vụ, các nguyên tắc quản lý điều hành công việc, các văn bản quy định của Nhà nước,

Cán bộ quản lý phòng, ban nghiệp vụ trẻ, nhạy bén, năng động trong chiến lược SXKD, đã thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, quản lý kế hoạch, quản lý kỹ thuật, quản lý con người, quản lý tài sản, thiết bị và sửa chữa xe máy kịp thời, trợ giúp đắc lực cho HĐQT, Ban Tổng giám đốc hoàn thành Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Cán bộ quản lý các XN, Công trường năng động, tích cực trong công tác tổ chức SXKD, chỉ đạo thi công các công trình đạt hiệu quả cao, đủ năng lực thừa ủy quyền của Tổng giám đốc lãnh đạo, quản lý, điều hành SXKD, quản lý lao động, tổ chức đời sống vật chất tinh thần cho người lao động tại cơ sở tốt, không để xảy ra sai phạm.

## **II. Nhiệm vụ của HĐQT năm 2023**

Năm 2023, khó khăn trong lĩnh vực xây dựng cầu đường tác động đến hoạt động SXKD của công ty chủ yếu vẫn là những khó khăn của các năm trước ảnh hưởng đến như : Giá nguyên, vật liệu chính biến động và tăng cao, cụ thể như nhiên liệu, nhựa đường, xi măng, thép, cát, đất ...tăng cao, thị trường bất động sản cũng như xây dựng khó khăn làm cho tiêu thụ đá thấp.

- Giá nhân công vẫn chưa được tỉnh Quảng Nam điều chỉnh nên giá nhân công thực tế chi trả cao hơn so với dự toán khoảng 1,8- 2 lần, tùy theo khu vực.

- Đầu năm 2023, trên địa bàn tỉnh Quảng Nam khan hiếm cát và đất xây dựng, làm cho giá cát và đất tăng đột biến, giá cát tăng 1,8 lần so với cuối năm 2022, đất tăng 1,7 lần, mặc dù giá cao song vẫn không đủ nguyên liệu để thi công, chậm tiến độ tăng chi phí sản xuất.

- Năm 2023 nhiều dự án trong tỉnh được chuyển sang giai đoạn 2026-2030 nên việc làm ít, sức cạnh tranh cao đã ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và hiệu quả .

- Mặc dù thiết bị xe máy công ty đa số hết khấu hao, đa số các thiết bị đã hoạt động được trên 15 năm kể từ năm sản xuất, nên thường xuyên hư hỏng, năng suất sử dụng thấp, tiêu hao nhiều nhiên liệu, làm tăng chi phí ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả SXKD.

- Tiền thuê đất của Công ty hàng năm quá lớn, năm nay công ty phải nộp tiền thuê đất 1,3 tỷ đồng, chi phí tăng, dẫn đến lãi trong hoạt động SXKD giảm.

Đứng trước một số tồn tại đã nêu ở phần trên, bên cạnh những thuận lợi về lợi thế thương hiệu và kết quả SXKD các năm qua, HĐQT, Ban điều hành Công ty trình Đại hội đồng cổ đông dự kiến các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2023 các mục tiêu, giải pháp thực hiện cụ thể như sau:

- Tiếp tục thực hiện NQ ĐHĐ CĐ nhiệm kỳ 2019-2024, ngay từ đầu năm 2023 Ban tổng giám đốc và phòng nghiệp vụ nghiên cứu Hồ sơ mời thầu, Liên danh với các Công ty khác và một số nhà thầu phụ nhằm đủ năng lực để tham gia đấu thầu một số công trình lớn của tỉnh Quảng Nam đảm bảo đủ việc làm và Doanh thu năm 2023.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được xây dựng cụ thể như sau:



- Doanh thu: 85 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế: 2,2 tỷ đồng.
- Cổ tức: 6,5 %
- Thu nhập bình quân của NLĐ: 9,53 triệu đồng/người/tháng.

1. Xây dựng, chỉ đạo thực hiện thắng lợi kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh năm 2023. Doanh thu đạt 85 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 2,2 tỷ đồng, cổ tức 6,5%, thu nhập bình quân người lao động: 9,53 triệu đồng/người/tháng. Tăng cường công tác quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của công ty trên mọi lĩnh vực, đảm bảo thực hiện có hiệu quả nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Thực hiện đúng quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại điều lệ Công ty.

2. Nắm bắt chặt chẽ, theo sát diễn biến thị trường để có những giải pháp linh hoạt, ứng phó kịp thời với tình hình, đưa ra những định hướng phát triển đúng đắn, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

3. Lực lượng thiết bị thi công hiện nay của Công ty đã cũ thường hư hỏng, vì vậy năm 2023 công ty sẽ tập trung sửa chữa lớn thiết bị nhằm đảm bảo đáp ứng kịp thời tiến độ thi công các công trình và trong sản xuất khai thác đá.

4. Tiếp tục hợp đồng thuê thêm máy móc thiết bị của các đơn vị ngoài để phục vụ SXKD các công trình cho kịp tiến độ yêu cầu của chủ đầu tư.

5. Tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý của công ty nhằm đáp ứng yêu cầu về quản trị doanh nghiệp của công ty đại chúng, chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của công ty.

6. Tiếp tục kiện toàn các quy chế, quy định làm cơ sở cho công tác chỉ đạo điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

7. Thực hiện theo Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH28, tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, nhằm đảm bảo người lao động có ý thức cao trong công việc, tận tâm với công ty.

8. Tiếp tục cải tiến chế độ tiền lương để người lao động được trả lương xứng đáng với công sức và trình độ, nhằm đảm bảo người lao động có ý thức cao trong công việc.

Trên đây là báo cáo của HĐQT về công tác quản lý, chỉ đạo công ty năm 2022 và nhiệm vụ năm 2023.

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

Nơi nhận:

- SCIC;
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Văn Sỹ



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**



**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT**  
**VỀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT**  
**KINH DOANH CÔNG TY NĂM 2022**



**CÔNG TY CP CÔNG TRÌNH GTVT QUẢNG NAM**  
**SỐ 10 - NGUYỄN DU - TP TAM KỲ - QUẢNG NAM**

*Quảng Nam, tháng 6 năm 2023*





Quảng Nam, ngày 05 tháng 06 năm 2023

**BÁO CÁO**  
**CỦA BAN KIỂM SOÁT VỀ QUẢN LÝ, ĐIỀU HÀNH**  
**SẢN XUẤT KINH DOANH CÔNG TY NĂM 2022**

Căn cứ luật Doanh nghiệp và điều lệ của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam về trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Ban kiểm soát Công ty đã triển khai thực hiện nhiệm vụ và xin báo cáo đánh giá các mặt hoạt động trong công tác quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 như sau:

**I- Hoạt động của Ban kiểm soát:**

**1- Hoạt động:**

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các mặt hoạt động quản lý điều hành sản xuất kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ và điều lệ công ty.

- Kiểm tra giám sát tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, thực hiện kiểm tra thẩm định báo cáo tài chính hàng năm; Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, liên quan đến quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, điều lệ công ty và tình hình thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban điều hành công ty.

- Phối hợp với HĐQT Công ty tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

**2- Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022:**

+ Ông Nguyễn Văn Hiếu - Thành viên: 6.000.000 đồng/năm

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc Lễ - Thành viên: 6.000.000 đồng/năm

+ Tiền lương chuyên trách của trưởng ban kiểm soát thực hiện năm 2022: 72 triệu đồng/ năm (tương đương 6 triệu đồng/tháng).

**II- Tổng kết các cuộc họp và các quyết định của Ban kiểm soát:**

Ban kiểm soát đã tổ chức họp định kỳ, đột xuất theo điều lệ Công ty và đã tổ chức 02 cuộc họp về kiểm tra, đề xuất các mặt hoạt động trong sản xuất kinh doanh của đơn vị trực thuộc Công ty và cổ đông liên quan.

Kiểm tra báo cáo tài chính, báo cáo thẩm định về việc thực hiện giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022;



Tham gia các cuộc họp của HĐQT về việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thông nhất những đề xuất, kiến nghị với HĐQT trước khi trình Đại hội đồng Cổ đông Công ty.

### **III- Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc và người điều hành khác:**

#### **1- Hội đồng Quản trị:**

Hội đồng quản trị đã tổ chức triển khai, chỉ đạo thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông đề ra, đã điều hành, tổ chức thực hiện tốt chương trình mục tiêu và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra, tuy nhiên lợi nhuận chưa đạt hiệu quả theo yêu cầu.

#### **2- Ban Tổng giám đốc:**

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc quản lý điều hành sản xuất kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thường xuyên xây dựng chương trình, kế hoạch và kịp thời đưa ra các giải pháp thực hiện phù hợp với thực tiễn trong quá trình quản lý điều hành sản xuất kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc và đạt hiệu quả.

#### **3- Người điều hành khác:**

Những người điều hành doanh nghiệp khác của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc lựa chọn, bổ nhiệm những người có phẩm chất tốt, đủ năng lực, thừa hành thực hiện nhiệm vụ. Quản lý và thực hiện hoàn thành tốt các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

### **IV- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Cổ đông:**

Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và Cổ đông công ty luôn thể hiện tinh thần đoàn kết, có mối quan hệ phối hợp và gắn kết chặt chẽ trong công tác quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh. Thường xuyên trao đổi, cung cấp thông tin, phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời luôn hỗ trợ lẫn nhau thực hiện đảm bảo đúng thủ tục trình tự và hoàn thành tốt nhiệm vụ chung của công ty.

### **V- Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty:**

#### **1- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Hội đồng quản trị, Ban quản lý điều hành công ty đã tổ chức quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022, thực hiện đầy đủ các chương trình mục tiêu kinh tế xã hội theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 đảm bảo đúng pháp luật, đạt hiệu quả thể hiện các mặt sau:

+ Thực hiện quản lý điều hành sản xuất bằng hình thức ban hành các quy chế nội bộ, các Nghị quyết của HĐQT, Quyết định của Ban Tổng giám đốc và hoạt động theo Điều lệ của Công ty, kịp thời bổ sung, sửa đổi, đảm bảo phù hợp các chế độ chính sách



nhà nước và đáp ứng nhu cầu thị trường. Sử dụng tiền vốn và nguồn lực hợp lý đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định.

+ Thực hiện đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động, việc sử dụng, tuyển dụng lao động phù hợp tình hình sản xuất kinh doanh, đảm bảo quy trình và nguyên tắc.

+ Duy trì và tích cực tham gia đóng góp xây dựng các nguồn quỹ và hoạt động xã hội.

+ Theo dõi, quản lý tốt nguồn tài chính của Công ty, thường xuyên quan tâm đến công tác thanh toán vốn và thu hồi nợ, hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định.

+ Bộ máy quản lý điều hành công ty và tập thể người lao động đã tổ chức điều hành, thực hiện sản xuất kinh doanh đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông.

## **2- Công tác tài chính Công ty:**

Công tác tài chính luôn thực hiện đảm bảo nguyên tắc, đúng luật kế toán và các quy định tài chính hiện hành, thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đối với nhà nước.

Căn cứ báo cáo tài chính của Công ty được kiểm toán độc lập bởi Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC, đã phản ánh đầy đủ các nội dung hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty CP Công trình GTVT Quảng Nam tại thời điểm 31/12/2022, đồng thời các số liệu phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp Công ty cung cấp, Ban kiểm soát tiến hành thẩm tra và đánh giá như sau:

### **a- Kết quả hoạt động tài chính năm 2022:**

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 so với các chỉ tiêu kinh tế của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 đề ra cụ thể.

- Tổng doanh thu 91,656 tỷ đồng/90 tỷ đồng đạt 101,84% chỉ tiêu của Nghị quyết ĐHĐCĐ.

(Trong đó doanh thu của công ty TNHH MTV = 0,912 tỷ đồng)

- Lợi nhuận sau thuế: 2.207.265.217 đồng.

(Trong đó lợi nhuận của công ty TNHH MTV = 105,602 triệu đồng)

### **b- Đánh giá tình hình và hiệu quả kinh doanh năm 2022**

- Năm 2022 thị trường xây dựng luôn biến động, công ty tiếp tục gặp không ít khó khăn, nhất là trong công tác đấu thầu công trình và ảnh hưởng nặng nề về giá nguyên vật liệu, nhân công tăng đột biến, thời tiết không thuận lợi và sự cạnh tranh của cơ chế thị trường trong lĩnh vực xây dựng. Tuy nhiên với sự nỗ lực phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty đã đề ra các định hướng chiến lược phù hợp với tình hình thực tế, nhằm giải quyết việc làm đầy đủ cho người lao động, tổ chức quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, đảm bảo các chỉ tiêu chính năm 2022.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 cụ thể sau:



+ Tổng doanh thu đạt 91,656 tỷ đồng, đạt 101,84% so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2022 .

+ Thu nhập bình quân người lao động 9,53 triệu đồng/người/tháng.

+ Cổ tức dự kiến chia cho cổ đông năm 2022 là 8%.

**- Một số nguyên nhân có ảnh hưởng đến lợi nhuận năm 2022:**

+ Mặc dù năm 2022 công ty tiếp tục gặp nhiều khó khăn, hoạt động sản xuất luôn biến động và chịu ảnh hưởng tình hình chung trong lĩnh vực xây dựng, đây là ngành nghề sản xuất chính của công ty, nhưng với sự cố gắng và nỗ lực phấn đấu của Hội đồng quản trị, Ban điều hành công ty đã tổ chức thực hiện doanh thu 91,656 tỷ đồng/90 tỷ đồng đạt 101,84% chỉ tiêu nghị quyết ĐHĐCĐ. Tuy nhiên lợi nhuận trước thuế đạt 2,421 tỷ đồng/4,6 tỷ đồng thấp hơn chỉ tiêu đề ra.

Nguyên nhân cơ bản có ảnh hưởng đến lợi nhuận như:

+ Một số công trình đã được nghiệm thu trước năm 2021, đến năm 2022 mới tiến hành kiểm toán, quyết toán, bị giảm trừ làm tăng chi phí (352,804 triệu đồng).

+ Trong năm 2022 tình hình giá nguyên vật liệu chính cấu thành công trình như xi măng, sắt thép, xăng dầu, nhựa đường, cát, đá, sỏi, v.v... và nhân công luôn tăng đột biến trong thời gian dài, giao động tăng từ 1,2 – 1,6 lần so với giá đấu thầu công trình ban đầu, do vậy trong điều hành sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng nặng nề đến lợi nhuận.

+ Sự cạnh tranh trong đấu thầu công trình ngày càng gay gắt, đồng thời năm 2022 chủ yếu thực hiện một số công trình dở dang và một số công trình đã được trúng thầu vào cuối năm 2021 chuyển sang với giá thầu tại thời điểm cuối năm 2021, có giá trị hơn 60 tỷ đồng, chiếm 2/3 chỉ tiêu kế hoạch sản xuất năm 2022, bên cạnh đó giá chào thầu công trình năm 2022 còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng kịp với tình hình biến động giá nguyên vật liệu thực tế thị trường, khi thực hiện rất ít công trình được điều chỉnh giá, trong khi chi phí nguyên vật liệu, nhân công xây dựng luôn biến động tăng, ảnh hưởng lớn trong điều hành sản xuất và lợi nhuận.

**c- Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ:**

Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022 được trích lập các quỹ và phân chia cổ tức là: 2.207.265.217 đồng.

Ban kiểm soát căn cứ số liệu và báo cáo kết quả kiểm toán của Công ty năm 2022, đã được Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện và biên bản ghi nhận số liệu qua kiểm tra vào ngày 18 /4/2023, phòng Tài chính - Kế toán - Tổng hợp Công ty chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các chứng từ và tính trung thực về số liệu đã cung cấp để kiểm tra.

**3- Kiến nghị HĐQT**

1. Chỉ đạo Ban điều hành công ty sớm triển khai thực hiện hoàn thành các công trình dở dang chuyển tiếp từ cuối năm 2022 sang đầu năm 2023, nhằm thu hồi vốn và hạn chế lãi vay, nâng cao hiệu quả kinh doanh.



2. Chỉ đạo Ban điều hành công ty thường xuyên quan tâm, tăng cường các biện pháp quản trị, tiết kiệm các chi phí trong quản lý điều hành, nhằm nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh.

3. Thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành công ty và bộ phận nghiệp vụ cần nghiên cứu, xem xét kỹ nguồn vốn đầu tư, cấu thành giá công trình trong công tác đấu thầu, đồng thời tăng cường hơn nữa việc kiểm tra, giám sát, quản lý chất lượng công trình, hạn chế thấp nhất rủi ro trong sản xuất.

4. Chỉ đạo và xem xét cho thanh lý một số xe máy đã hết khấu hao, thường hay hư hỏng, tiêu tốn nhiên liệu nhiều và thi công kém hiệu quả.

5. Tiếp tục chỉ đạo Ban điều hành công ty quan tâm, tích cực thu hồi các khoản nợ trước đây từ các chủ đầu tư công trình tính đến thời điểm 31/12/2022 (1,17 tỷ đồng), đồng thời xem xét xử lý các trường hợp nợ quá lâu, khó thu hồi, trong đó một số đơn vị có khả năng bị giải thể, phá sản.

6. Chỉ đạo Ban điều hành công ty luôn thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính và tuân thủ các quy định của Nhà nước trong lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

7. Chỉ đạo Ban điều hành công ty luôn quan tâm xem xét xây dựng, bổ sung, điều chỉnh các quy chế khoán công trình, quy chế hoạt động của công ty phù hợp theo thời điểm và tình hình thực tế, làm cơ sở thống nhất quản trị, điều hành và kiểm soát.

Trên đây là báo cáo tóm tắt hoạt động của Ban kiểm soát về quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh Công ty tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

Kính chúc quý vị mạnh khỏe, chúc đại hội thành công.

Trân trọng cảm ơn.

**TM.BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY  
TRƯỞNG BAN**



**Lê Ngọc Hưng**



**CTCP CÔNG TRÌNH GTVT  
QUẢNG NAM**

Số: 03 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Quảng Nam, ngày 08 tháng 6 năm 2023*

**TỜ TRÌNH**

*Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022  
đã được kiểm toán*

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

**Căn cứ :**

- Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Các báo cáo trên đã được công bố thông tin theo quy định và được đăng tải đầy đủ trên website của Công ty tại địa chỉ [www.cotracoqna.vn](http://www.cotracoqna.vn)

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn.

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT.



**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Văn Sỹ*  
**Nguyễn Văn Sỹ**





# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dnng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 482/2023/BCKT-AAC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính được lập ngày 24/03/2023 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



### Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến vấn đề trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2022 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.



**Lâm Quang Vũ** – Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2023

**Nguyễn Văn Thiện** – Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

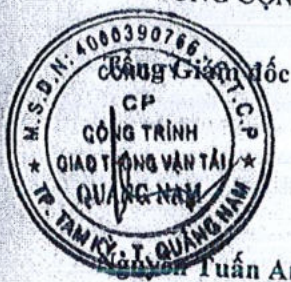
Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND     | 01/01/2022<br>VND     |
|---------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>43.018.444.685</b> | <b>47.281.699.386</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 110        |             | 357.485.364           | 735.895.718           |
| 1. Tiền                                     | 111        | 5           | 357.485.364           | 735.895.718           |
| 2. Các khoản tương đương tiền               | 112        |             | -                     | -                     |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn               | 120        |             | 2.228.000.000         | 2.750.000.000         |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                   | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 123        | 6           | 2.228.000.000         | 2.750.000.000         |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn            | 130        |             | 25.481.249.970        | 27.320.226.051        |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 131        | 7           | 26.040.800.262        | 27.742.519.985        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 132        | 8           | 139.148.990           | 241.198.720           |
| 3. Phải thu ngắn hạn khác                   | 136        | 9a          | 471.760.962           | 506.967.590           |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 137        | 10          | (1.170.460.244)       | (1.170.460.244)       |
| IV. Hàng tồn kho                            | 140        | 11          | 14.559.126.023        | 16.012.665.072        |
| 1. Hàng tồn kho                             | 141        |             | 14.559.126.023        | 16.012.665.072        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho           | 149        |             | -                     | -                     |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                    | 150        |             | 392.583.328           | 462.912.545           |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 151        | 15.a        | 4.766.637             | 462.912.545           |
| 2. Thuế GTGT được khấu trừ                  | 152        |             | -                     | -                     |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 17          | 387.816.691           | -                     |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>19.379.875.607</b> | <b>21.915.708.177</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn               | 210        |             | 2.792.150.264         | 2.444.045.653         |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng          | 211        |             | -                     | -                     |
| 2. Phải thu dài hạn khác                    | 216        | 9b          | 2.792.150.264         | 2.444.045.653         |
| II. Tài sản cố định                         | 220        |             | 9.094.653.031         | 10.180.561.156        |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 221        | 12          | 8.847.137.418         | 9.932.065.723         |
| - Nguyên giá                                | 222        |             | 74.288.448.147        | 76.101.369.264        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 223        |             | (65.441.310.729)      | (66.169.303.541)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                  | 227        | 13          | 247.515.613           | 248.495.433           |
| - Nguyên giá                                | 228        |             | 258.293.600           | 258.293.600           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 229        |             | (10.777.987)          | (9.798.167)           |
| III. Bất động sản đầu tư                    | 230        |             | -                     | -                     |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn                 | 240        |             | -                     | -                     |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn                 | 250        |             | 3.000.000.000         | 3.000.000.000         |
| 1. Đầu tư vào công ty con                   | 251        | 14          | 3.000.000.000         | 3.000.000.000         |
| 2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn        | 254        |             | -                     | -                     |
| VI. Tài sản dài hạn khác                    | 260        |             | 4.493.072.312         | 6.291.101.368         |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 261        | 15.b        | 4.493.072.312         | 6.291.101.368         |
| 2. Tài sản dài hạn khác                     | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    | <b>270</b> |             | <b>62.398.320.292</b> | <b>69.197.407.563</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND     | 01/01/2022<br>VND     |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>                          | <b>300</b> |             | <b>21.843.631.198</b> | <b>26.569.185.006</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>20.728.679.367</b> | <b>25.533.516.460</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 16          | 6.197.414.897         | 8.580.740.871         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |             | 331.969.845           | 395.395.525           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước         | 313        | 17          | 892.006.172           | 326.556.694           |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 543.137.627           | 1.601.886.204         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 18          | 313.915.526           | 353.329.310           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 19          | 4.690.679.615         | 6.219.032.720         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 20          | 7.749.143.577         | 7.070.179.260         |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                  | 321        |             | -                     | 851.404.200           |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 10.412.108            | 134.991.676           |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>1.114.951.831</b>  | <b>1.035.668.546</b>  |
| 1. Phải trả người bán dài hạn                  | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn                   | 342        | 21          | 1.114.951.831         | 1.035.668.546         |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>40.554.689.094</b> | <b>42.628.222.557</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> | <b>22</b>   | <b>40.148.457.705</b> | <b>42.221.991.168</b> |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu                      | 411        | 22          | 27.000.000.000        | 27.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 27.000.000.000        | 27.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                     | 414        | 22          | 8.379.414.871         | 8.379.414.871         |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 22          | 2.561.777.617         | 2.561.777.617         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 22          | 2.207.265.217         | 4.280.798.680         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                     | -                     |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 2.207.265.217         | 4.280.798.680         |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>406.231.389</b>    | <b>406.231.389</b>    |
| 1. Nguồn kinh phí                              | 431        |             | 124.245.000           | 124.245.000           |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           | 432        |             | 281.986.389           | 281.986.389           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>62.398.320.292</b> | <b>69.197.407.563</b> |



Tuấn Anh  
Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Đặng Thơ

Người lập biểu

*(Signature)*

Võ Thị Minh Loan



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                    | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND      | Năm 2021<br>VND      |
|---------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ    | 01    | 24          | 89.591.629.504       | 135.087.385.783      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu             | 02    | 25          | 312.545.191          | 541.575.804          |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ | 10    |             | 89.279.084.313       | 134.545.809.979      |
| 4. Giá vốn hàng bán                         | 11    | 26          | 82.320.828.431       | 125.412.814.411      |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ   | 20    |             | <u>6.958.255.882</u> | <u>9.132.995.568</u> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính            | 21    | 27          | 225.122.720          | 565.415.717          |
| 7. Chi phí tài chính                        | 22    | 28          | 665.505.541          | 805.728.351          |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                   | 23    |             | 559.564.544          | 521.093.344          |
| 8. Chi phí bán hàng                         | 25    |             | -                    | -                    |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp             | 26    | 29          | 5.626.261.815        | 7.410.690.205        |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30    |             | <u>891.611.246</u>   | <u>1.481.992.729</u> |
| 11. Thu nhập khác                           | 31    | 30          | 1.521.714.476        | 3.627.139.502        |
| 12. Chi phí khác                            | 32    | 31          | 18.715.606           | 67.120.477           |
| 13. Lợi nhuận khác                          | 40    |             | <u>1.502.998.870</u> | <u>3.560.019.025</u> |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế       | 50    |             | <u>2.394.610.116</u> | <u>5.042.011.754</u> |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành             | 51    | 32          | 187.344.899          | 761.213.074          |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại              | 52    |             | -                    | -                    |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                 | 60    |             | <u>2.207.265.217</u> | <u>4.280.798.680</u> |



Nguyễn Tuấn Anh  
Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng

Đặng Thơ

Người lập biểu

Võ Thị Minh Loan



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo Thông tư  
số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND  | Năm 2021<br>VND  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                |       |             |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01    |             | 2.394.610.116    | 5.042.011.754    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |             |                  |                  |
| - Khấu hao Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư                                                | 02    | 12,13       | 1.884.330.456    | 1.904.035.376    |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | (772.120.915)    | (543.608.704)    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05    | 27,30       | (742.527.266)    | (838.142.990)    |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06    | 28          | 559.564.544      | 521.093.344      |
| 3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động                                                 | 08    |             | 3.323.856.935    | 6.085.388.780    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | 1.055.152.845    | 17.636.430.896   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    |             | 1.453.539.049    | (4.507.103.081)  |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | (4.667.713.172)  | (28.481.411.529) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    |             | 2.256.174.964    | 237.654.960      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14    |             | (398.978.328)    | (521.093.344)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    | 17          | (188.035.585)    | (757.000.000)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16    |             | 2.980.000        | -                |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 17    |             | (358.358.248)    | (452.504.443)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    | 20    |             | 2.478.618.460    | (10.759.637.761) |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                   |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TSDH khác                                                  | 21    | 12,13       | (1.069.232.973)  | (2.912.600.000)  |
| 2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác                                             | 22    |             | 788.215.188      | 272.727.273      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23    | 6           | (1.728.000.000)  | (7.250.000.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác                                       | 24    | 6           | 2.250.000.000    | 16.000.000.000   |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    | 9,27        | 273.024.654      | 1.275.270.898    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        | 30    |             | 514.006.869      | 7.385.398.171    |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                               |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33    | 20          | 17.840.400.211   | 43.695.234.604   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34    | 20          | (17.161.435.894) | (38.625.055.344) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36    |             | (4.050.000.000)  | (4.050.000.000)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     | 40    |             | (3.371.035.683)  | 1.020.179.260    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                                   | 50    |             | (378.410.354)    | (2.354.060.330)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                  | 60    | 5           | 735.895.718      | 3.089.956.048    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | 61    |             | -                | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                                 | 70    | 5           | 357.485.364      | 735.895.718      |



Nguyễn Tuấn Anh

Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2022

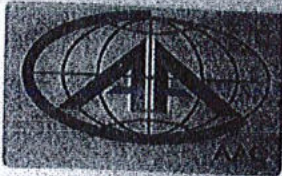
Kế toán trưởng

Đặng Thor

Người lập biểu

Võ Thị Minh Loan





## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN - KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH

Trụ sở chính: Lô 78 - 80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Tel: +84 (236) 3 655 886; Fax: +84 (236) 3 655 887; Email: aac@dng.vnn.vn; Website: http://www.aac.com.vn

Số: 483/2023/BCKT-AAC

### BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất được lập ngày 24/03/2023 của Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Vận tải Quảng Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

#### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

#### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC  
Lâm Quốc Tú - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2023-010-1  
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Nguyễn Văn Thiện - Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

■ Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh:  
47 - 49 Hoàng Sa (Tầng 3, Tòa nhà Hoàng Đan), Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84 (28) 3910 2235; Fax: +84 (28) 3910 2349

■ Chi nhánh tại Hà Nội:  
Số 09 phố Duy Tân, (Tầng 6, Tòa nhà Việt Á), Quận Cầu Giấy, Hà Nội  
Tel: +84 (24) 3224 2403; Fax: +84 (24) 3224 2402



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu số B 01 - DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| TÀI SẢN                                     | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND     | 01/01/2022<br>VND     |
|---------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>                  | <b>100</b> |             | <b>43.470.641.981</b> | <b>51.677.804.381</b> |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền       | 110        |             | 435.101.117           | 1.008.501.787         |
| 1. Tiền                                     | 111        | 5           | 435.101.117           | 1.008.501.787         |
| 2. Các khoản tương đương tiền               | 112        |             | -                     | -                     |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn     | 120        |             | 2.644.943.260         | 5.487.763.000         |
| 1. Chứng khoán kinh doanh                   | 121        |             | -                     | -                     |
| 2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn          | 123        | 6           | 2.644.943.260         | 5.487.763.000         |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn            | 130        |             | 25.438.888.253        | 28.651.236.394        |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng         | 131        | 7           | 26.089.415.812        | 29.087.421.385        |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn         | 132        | 8           | 139.148.990           | 321.615.284           |
| 3. Các khoản phải thu khác                  | 136        | 9a          | 380.783.695           | 412.659.969           |
| 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi       | 137        | 10          | (1.170.460.244)       | (1.170.460.244)       |
| IV. Hàng tồn kho                            | 140        | 11          | 14.559.126.023        | 16.067.390.655        |
| 1. Hàng tồn kho                             | 141        |             | 14.559.126.023        | 16.067.390.655        |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho           | 149        |             | -                     | -                     |
| V. Tài sản ngắn hạn khác                    | 150        |             | 392.583.328           | 462.912.545           |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn               | 151        | 14a         | 4.766.637             | 462.912.545           |
| 2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153        | 16          | 387.816.691           | -                     |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>                   | <b>200</b> |             | <b>16.379.875.607</b> | <b>18.915.708.177</b> |
| I. Các khoản phải thu dài hạn               | 210        |             | 2.792.150.264         | 2.444.045.653         |
| 1. Phải thu dài hạn khác                    | 216        | 9b          | 2.792.150.264         | 2.444.045.653         |
| 2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi        | 219        |             | -                     | -                     |
| II. Tài sản cố định                         | 220        |             | 9.094.653.031         | 10.180.561.156        |
| 1. Tài sản cố định hữu hình                 | 221        | 12          | 8.847.137.418         | 9.932.065.723         |
| - Nguyên giá                                | 222        |             | 74.288.448.147        | 76.101.369.264        |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 223        |             | (65.441.310.729)      | (66.169.303.541)      |
| 2. Tài sản cố định vô hình                  | 227        | 13          | 247.515.613           | 248.495.433           |
| - Nguyên giá                                | 228        |             | 258.293.600           | 258.293.600           |
| - Giá trị hao mòn lũy kế                    | 229        |             | (10.777.987)          | (9.798.167)           |
| III. Bất động sản đầu tư                    | 230        |             | -                     | -                     |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn                 | 240        |             | -                     | -                     |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn                 | 250        |             | -                     | -                     |
| VI. Tài sản dài hạn khác                    | 260        |             | 4.493.072.312         | 6.291.101.368         |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn                | 261        | 14b         | 4.493.072.312         | 6.291.101.368         |
| 2. Tài sản dài hạn khác                     | 268        |             | -                     | -                     |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>                    | <b>270</b> |             | <b>59.850.517.588</b> | <b>70.593.512.558</b> |



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2022

| NGUỒN VỐN                                      | Mã số      | Thuyết minh | 31/12/2022<br>VND     | 01/01/2022<br>VND     |
|------------------------------------------------|------------|-------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>C. Nợ phải trả</b>                          | <b>300</b> |             | <b>19.295.828.494</b> | <b>27.965.290.001</b> |
| <b>I. Nợ ngắn hạn</b>                          | <b>310</b> |             | <b>18.180.876.663</b> | <b>26.929.621.455</b> |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn                 | 311        | 15          | 6.442.938.393         | 9.312.133.821         |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn           | 312        |             | 331.969.845           | 395.395.525           |
| 3. Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước    | 313        | 16          | 913.808.492           | 362.790.705           |
| 4. Phải trả người lao động                     | 314        |             | 543.137.627           | 1.601.886.204         |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn                   | 315        | 17          | 150.930.595           | 353.329.310           |
| 6. Phải trả ngắn hạn khác                      | 319        | 18          | 4.888.536.026         | 6.847.510.754         |
| 7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn           | 320        | 19          | 4.899.143.577         | 7.070.179.260         |
| 8. Dự phòng phải trả ngắn hạn                  | 321        |             | -                     | 851.404.200           |
| 9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi                   | 322        |             | 10.412.108            | 134.991.676           |
| <b>II. Nợ dài hạn</b>                          | <b>330</b> |             | <b>1.114.951.831</b>  | <b>1.035.668.546</b>  |
| 1. Phải trả dài hạn người bán                  | 331        |             | -                     | -                     |
| 2. Dự phòng phải trả dài hạn                   | 342        | 20          | 1.114.951.831         | 1.035.668.546         |
| <b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>                       | <b>400</b> |             | <b>40.554.689.094</b> | <b>42.628.222.557</b> |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                       | <b>410</b> |             | <b>40.148.457.705</b> | <b>42.221.991.168</b> |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                   | 411        | 21          | 27.000.000.000        | 27.000.000.000        |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết       | 411a       |             | 27.000.000.000        | 27.000.000.000        |
| - Cổ phiếu ưu đãi                              | 411b       |             | -                     | -                     |
| 2. Vốn khác của chủ sở hữu                     | 414        | 21          | 8.379.414.871         | 8.379.414.871         |
| 3. Quỹ đầu tư phát triển                       | 418        | 21          | 2.561.777.617         | 2.561.777.617         |
| 4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối           | 421        | 21          | 2.207.265.217         | 4.280.798.680         |
| - LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a       |             | -                     | -                     |
| - LNST chưa phân phối kỳ này                   | 421b       |             | 2.207.265.217         | 4.280.798.680         |
| 5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát         | 429        |             | -                     | -                     |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>          | <b>430</b> |             | <b>406.231.389</b>    | <b>406.231.389</b>    |
| 1. Nguồn kinh phí                              | 431        |             | 124.245.000           | 124.245.000           |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ           | 432        |             | 281.986.389           | 281.986.389           |
| <b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>                     | <b>440</b> |             | <b>59.850.517.588</b> | <b>70.593.512.558</b> |



Nguyễn Tuấn Anh

Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

Đặng Thor

Người lập biểu

Võ Thị Minh Loan



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG  
KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 02 – DN/IN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                               | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND      | Năm 2021<br>VND      |
|--------------------------------------------------------|-------|-------------|----------------------|----------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và c.cấp dịch vụ                 | 01    | 23          | 90.337.334.237       | 139.410.367.055      |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                        | 02    | 24          | 352.804.282          | 565.672.168          |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và CC dịch vụ           | 10    |             | 89.984.529.955       | 138.844.694.887      |
| 4. Giá vốn hàng bán                                    | 11    | 25          | 83.090.288.828       | 129.667.405.210      |
| 5. Lợi nhuận gộp bán hàng và CC dịch vụ                | 20    |             | <u>6.894.241.127</u> | <u>9.177.289.677</u> |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                       | 21    | 26          | 149.720.208          | 481.182.977          |
| 7. Chi phí tài chính                                   | 22    | 27          | 491.061.706          | 697.145.637          |
| Trong đó: Chi phí lãi vay                              | 23    |             | 385.120.709          | 409.216.630          |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24    |             | -                    | -                    |
| 9. Chi phí bán hàng                                    | 25    |             | -                    | -                    |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp                       | 26    | 28          | 5.634.969.661        | 7.436.135.762        |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh            | 30    |             | <u>917.929.968</u>   | <u>1.525.191.255</u> |
| 12. Thu nhập khác                                      | 31    | 29          | 1.521.813.999        | 3.627.401.062        |
| 13. Chi phí khác                                       | 32    | 30          | 18.729.606           | 69.416.956           |
| 14. Lợi nhuận khác                                     | 40    |             | <u>1.503.084.393</u> | <u>3.557.984.106</u> |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế                  | 50    |             | <u>2.421.014.361</u> | <u>5.083.175.361</u> |
| 16. Chi phí thuế TNDN hiện hành                        | 51    | 31          | 213.749.144          | 802.376.681          |
| 17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                         | 52    |             | -                    | -                    |
| 18. Lợi nhuận sau thuế TNDN                            | 60    |             | <u>2.207.265.217</u> | <u>4.280.798.680</u> |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ          | 61    |             | 2.207.265.217        | 4.280.798.680        |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát     | 62    |             | -                    | -                    |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                           | 70    | 32          | 818                  | 1.500                |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu                         | 71    | 32          | 818                  | 1.500                |



Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

*[Signature]*

Đặng Thơ

Người lập biểu

*[Signature]*

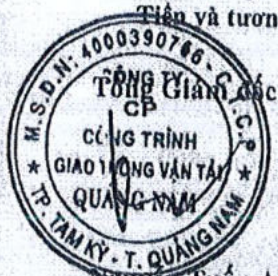
Võ Thị Minh Loan



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Mẫu số B 03 – DN/HN  
Ban hành theo Thông tư  
số 202/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

| CHỈ TIÊU                                                                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm 2022<br>VND  | Năm 2021<br>VND  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------|------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh                                                       |       |             |                  |                  |
| 1. Lợi nhuận trước thuế                                                                          | 01    |             | 2.421.014.361    | 5.083.175.361    |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản                                                                      |       |             |                  |                  |
| - Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT                                                                         | 02    |             | 1.884.330.456    | 1.904.035.376    |
| - Các khoản dự phòng                                                                             | 03    |             | (772.120.915)    | (543.608.704)    |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư                                                                    | 05    | 26,29       | (667.124.754)    | (753.910.250)    |
| - Chi phí lãi vay                                                                                | 06    | 27          | 385.120.709      | 409.216.630      |
| 3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động                                                | 08    |             | 3.251.219.857    | 6.098.908.413    |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu                                                                  | 09    |             | 2.431.855.259    | 17.944.625.388   |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho                                                                        | 10    |             | 1.508.264.632    | (4.532.328.664)  |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp) | 11    |             | (5.592.575.599)  | (28.109.307.995) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước                                                                   | 12    | 14          | 2.256.174.964    | 237.654.960      |
| - Tiền lãi vay đã trả                                                                            | 14    | 17,27       | (387.519.424)    | (401.107.676)    |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp                                                              | 15    | 16          | (220.500.171)    | (889.076.045)    |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 16    |             | 2.980.000        | -                |
| - Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh                                                          | 17    |             | (358.358.248)    | (452.504.443)    |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh                                                    | 20    |             | 2.891.541.270    | (10.103.136.062) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư                                                          |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác                                                 | 21    | 12,13       | (1.069.232.973)  | (2.912.600.000)  |
| 2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác                                            | 22    |             | 788.215.188      | 272.727.273      |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác                                          | 23    | 6           | (2.039.943.260)  | (9.862.763.000)  |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác                                       | 24    | 6           | 4.882.763.000    | 16.790.000.000   |
| 5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia                                           | 27    | 9,26        | 194.291.788      | 430.080.949      |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư                                                        | 30    |             | 2.756.093.743    | 4.717.445.222    |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính                                                      |       |             |                  |                  |
| 1. Tiền thu từ đi vay                                                                            | 33    | 19          | 14.740.400.211   | 42.295.234.604   |
| 2. Tiền trả nợ gốc vay                                                                           | 34    | 19          | (16.911.435.894) | (35.225.055.344) |
| 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu                                                       | 36    |             | (4.050.000.000)  | (4.050.000.000)  |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính                                                     | 40    |             | (6.221.035.683)  | 3.020.179.260    |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ                                                                   | 50    |             | (573.400.670)    | (2.365.511.580)  |
| Tiền và tương đương tiền đầu kỳ                                                                  | 60    | 5           | 1.008.501.787    | 3.374.013.367    |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ                                          | 61    |             | -                | -                |
| Tiền và tương đương tiền cuối kỳ                                                                 | 70    | 5           | 435.101.117      | 1.008.501.787    |



Nguyễn Tuấn Anh

Quảng Nam, ngày 24 tháng 03 năm 2023

Kế toán trưởng

*(Signature)*

Đặng Thor

Người lập biểu

*(Signature)*

Võ Thị Minh Loan



### TỜ TRÌNH

V/v quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023 của người lao động và người quản lý Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/09/2016 (“Thông tư 28”) của Bộ LĐTB-XH hướng dẫn thực hiện Nghị định 53/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam;

Căn cứ kết quả SXKD năm 2022 và kế hoạch SXKD năm 2023.

HĐQT Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023 của người lao động và người quản lý Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam, cụ thể như sau:

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2022 liên quan đến tiền lương:

DVT: Tr. đồng

| Nội dung           | KH 2022 | TH 2022 | TH/KH 2022 | KH 2023 |
|--------------------|---------|---------|------------|---------|
| Tổng doanh thu     | 90.000  | 91.656  | 101,8%     | 85.000  |
| LN trước thuế      | 4.600   | 2.421   | 52,6%      | 2.200   |
| Năng suất lao động | 197     | 171     | 87%        | 164     |

**I. Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023 của người lao động**

**1. Quỹ tiền lương thực hiện 2022 của người lao động**

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua tiền lương thực hiện năm 2022 của người lao động như sau:

Tiền lương bình quân thực hiện: 9,53 triệu đồng/người/tháng (bằng với tiền lương bình quân của hợp đồng lao động)

Quỹ tiền lương của người lao động: 7,129 tỷ đồng

**2. Phương án Quỹ tiền lương kế hoạch 2023 của người lao động**



HĐQT Công ty kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua phương án quỹ tiền lương kế hoạch 2023 của người lao động như sau:

- Tiền lương bình quân KH: 9,53 triệu đồng/người/tháng.
- Quỹ tiền lương kế hoạch của người lao động: 7,776 đồng.

## **II. Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2022 và phương án xây dựng kế hoạch quỹ tiền lương năm 2023 của người quản lý**

### **1. Quỹ tiền lương thực hiện năm 2023 của Ban điều hành**

Kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua mức tiền lương thực hiện năm 2022 của người quản lý như sau:

- Tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước: 23,23 triệu đồng/người/tháng (bằng với tiền lương của hợp đồng lao động).

- Tiền lương bình quân thực hiện của người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn Nhà nước: 15,58 triệu đồng/người/tháng (bằng với tiền lương của hợp đồng lao động).

- Quỹ tiền lương của người quản lý chuyên trách: 1.019 triệu đồng.

### **2. Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023**

HĐQT Công ty kính trình ĐHCĐ thường niên năm 2023 thông qua phương án quỹ tiền lương kế hoạch 2023 của người quản lý, trong đó:

- Tiền lương bình quân KH của người quản lý chuyên trách là người đại diện phần vốn Nhà nước: 23,23 triệu đồng/người/tháng (bằng lương bình quân của hợp đồng lao động).

- Tiền lương bình quân KH của người quản lý chuyên trách không là người đại diện phần vốn Nhà nước: 15,61 triệu đồng/người/tháng (bằng tiền lương bình quân của hợp đồng lao động).

- Quỹ tiền lương kế hoạch của người quản lý năm 2023: 1.028 triệu đồng.

Kính trình ĐHCĐ xem xét, thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông Công ty.



**CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sỹ



CTCP CP CÔNG TRÌNH  
GTVT QUẢNG NAM

Số: 04/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Nam, ngày 08 tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH**  
**Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

Căn cứ Điều lệ Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam về việc phân phối lợi nhuận và chia cổ tức;

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của Công ty đã được kiểm toán;

Căn cứ Điều 18 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ lao động- Thương binh và xã hội.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP công trình GTVT Quảng Nam năm 2023 về phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2022, cụ thể như sau:

| ĐVT: VNĐ |                                |                               |                                 |                   |
|----------|--------------------------------|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|
| TT       | Chỉ tiêu                       | Tổng lợi nhuận được phân phối | Số vốn cổ đông được chia cổ tức | Tỷ lệ chia cổ tức |
| I        | Lợi nhuận ròng năm 2022        | 2.207.265.217                 | 27.000.000.000                  |                   |
| II       | Chia cổ tức cho cổ đông        | 2.160.000.000                 | 27.000.000.000                  | 8%                |
| 1        | Cổ đông SCIC                   | 1.162.080.000                 |                                 |                   |
| 2        | Cổ đông khác                   | 997.920.000                   |                                 |                   |
| III      | Trích lập các quỹ              | 47.265.217                    |                                 |                   |
| 1        | Quỹ khen thưởng người quản lý  | 10.000.000                    |                                 |                   |
| 2        | Quỹ khen thưởng người lao động | 37.265.217                    |                                 |                   |

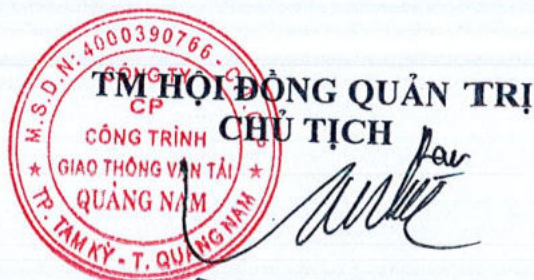
Ghi chú:

- Kiến nghị về mức chia cổ tức và trích lập các quỹ được căn cứ vào Điều lệ của Công ty. Riêng khoản trích Quỹ khen thưởng Người quản lý công ty và Người lao động được xác định theo Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Văn Sỹ



**CTCP CP CÔNG TRÌNH  
GTVT QUẢNG NAM**

Số: 05/TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Báo cáo chi trả thù lao năm 2022, trình dự toán thù lao năm 2023 của  
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;  
Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;  
Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2023 đã được kiểm toán, kế hoạch SXKD năm 2023.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty năm 2022 và dự toán thù lao cho các thành viên HĐQT và BKS năm 2023 như sau:

**1. Tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS đã chi năm 2022:**

| TT | Nội dung                                | Số tháng | Thù lao 1 tháng<br>(đồng) | Thành tiền<br>(đồng) |
|----|-----------------------------------------|----------|---------------------------|----------------------|
| 1  | Ông Nguyễn Văn Sỹ - Chủ tịch HĐQT       | 12       | 2.300.000                 | 27.600.000           |
| 2  | Ông Nguyễn Tuấn Anh – Phó Chủ tịch HĐQT | 12       | 2.000.000                 | 24.000.000           |
| 3  | Ông Nguyễn Cao Cường – Thành viên HĐQT  | 12       | 1.150.000                 | 13.800.000           |
| 4  | Ông Đoàn Văn Dũng - Thành viên HĐQT     | 12       | 1.150.000                 | 13.800.000           |
| 5  | Ông Lê Văn Xí – Thành viên HĐQT         | 12       | 1.150.000                 | 13.800.000           |
| 6  | Ông Nguyễn Đức Hiếu – Thành viên HĐQT   | 12       | 1.150.000                 | 13.800.000           |
| 7  | Ông Nguyễn Văn Hiếu – Thành viên BKS    | 12       | 500.000                   | 6.000.000            |
| 8  | Bà Nguyễn Thị Ngọc Lễ – Thành viên BKS  | 12       | 500.000                   | 6.000.000            |
|    | <b>Tổng cộng</b>                        |          |                           | <b>118.800.000</b>   |

Tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS thực hiện năm 2022: 72 triệu đồng/năm. So với Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty đã chi đúng tiền thù lao cho các thành viên HĐQT, BKS, tiền lương chuyên trách cho trưởng BKS.



**2. Dự toán thù lao HĐQT, BKS, tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS năm 2023**

| TT | Diễn giải         | Số lượng (người) | Mức thù lao 1 tháng (đồng) | Tổng 12 tháng (đồng) |
|----|-------------------|------------------|----------------------------|----------------------|
| 1  | Chủ tịch HĐQT     | 1                | 2.300.000                  | 27.600.000           |
| 2  | Phó chủ tịch HĐQT | 1                | 2.000.000                  | 24.000.000           |
| 3  | Thành viên HĐQT   | 4                | 1.150.000                  | 55.200.000           |
| 4  | Thành viên BKS    | 2                | 500.000                    | 12.000.000           |
|    | <b>Tổng cộng</b>  |                  |                            | <b>118.800.000</b>   |

Tiền lương chuyên trách của Trưởng BKS kế hoạch 2023: 72 triệu đồng/năm (tương đương 6 triệu đồng/tháng)

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông công ty.
- Lưu HĐQT.


**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**  
  
**Nguyễn Văn Sỹ**





**CTCP CP CÔNG TRÌNH  
GTVT QUẢNG NAM**

Số: 06 /TTr-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Quảng Nam, ngày 08 tháng 6 năm 2023

**TỜ TRÌNH**

**Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2023**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023**

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;

Căn cứ thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần công trình GTVT Quảng Nam;

Căn cứ vào tình hình thực tế tại Công ty CP công trình giao thông vận tải Quảng Nam.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

Theo qui định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, các Công ty niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán phải lựa chọn các tổ chức kiểm toán trong danh sách các Tổ chức kiểm toán độc lập được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

Để thuận tiện trong quá trình soát xét Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2023 và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023, xin kính trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 danh sách 03 Công ty kiểm toán đã được Ủy ban chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các Doanh nghiệp niêm yết tại các Sở giao dịch chứng khoán:

- 1-Công ty TNHH kiểm toán và kế toán AAC.
- 2- Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam.
- 3-Chi nhánh Công ty TNHH kiểm toán và Dịch vụ tin học Thành phố Hồ Chí Minh tại Đà Nẵng.

Đại Hội cổ đông thường niên năm 2023 ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 01 trong 03 Công ty kiểm toán nêu trên để soát xét BCTC 6 tháng đầu năm 2023 và kiểm toán BCTC năm 2023.

Trân trọng!

**Nơi nhận:**

- HĐQT;
- BKS;
- Cổ đông công ty;
- Lưu HĐQT.



Nguyễn Văn Sỹ



